

TUẦN

1

Thêm nữa!

"More" là từ quyền lực nhất: một từ dùng được mỗi khi con muốn điều vui tiếp tục. "Look" tạo sự chú ý chung, nền của mọi việc học từ.

more

thêm, nữa

M1 · nói

look

nhìn

M0 · hiểu

✚ Từ tặng kèm (không bắt buộc): "again"

CHA MẸ NÓI MẪU

More? · More milk? · Look! Bubbles! · Look at me.

KHOẢNH KHẮC GỢI Ý (CHỌN NHỮNG LÚC NÀM TRONG GIỜ TIẾNG ANH)

-  Bữa ăn: chia đồ ăn vặt thành từng miếng nhỏ, mỗi lần hỏi "More?"
-  Cù, xoay vòng, tung con lên: dừng lại và hỏi "More?"
-  Ra ngoài: "Look! A bus!" kèm chỉ tay

DẤU HIỆU ĐẠT CUỐI TUẦN

Con dùng "more" (lời hoặc ký hiệu tay) để xin thêm ít nhất 1 lần mỗi ngày mà không cần nhắc.

BÃY GIAO TIẾP (NGÀY 3-5)

- ☐ Thổi bong bóng 3 lần rồi đập nắp, cầm lọ và chờ con nhìn: "More bubbles?"
- ☐ Đưa một miếng táo nhỏ thay vì cả đĩa

TRÒ CHƠI ĐA GIÁC QUAN VÀ BÀI HÁT

- Bong bóng xà phòng: mắt nhìn, tay chạm cho vỡ, tai nghe "pop!"
- Xếp tháp rồi đổ: "More blocks!"
- Hát "Row, Row, Row Your Boat", dừng giữa bài và hỏi "More?"

HÔM NAY CHA MẸ ĐÃ NÓI MẪU ĐỦ CHƯA?

T2

☐

T3

☐

T4

☐

T5

☐

T6

☐

T7

☐

CN

☐

Ghi chú: con đã nói gì, ở đâu, với ai? Khoảnh khắc đáng nhớ...

CON ĐẠT ĐẾN ĐÂU? (TICK NGÀY 7)

more

☐ Hiểu☐ Nói khi nhắc☐ Tự nói

look

☐ Hiểu☐ Nói khi nhắc☐ Tự nói

Xong rồi!

Cặp đôi với "more": con có từ để kết thúc một cách bình tĩnh, thay vì khóc hay ném đồ. "Come" là câu lệnh dùng nhiều nhất trong ngày.

all done

xong rồi

M1 · nói

come

lại đây

M0 · hiểu

✚ Từ tặng kèm (không bắt buộc): "bye"

CHA MẸ NÓI MẪU

All done? · All done! Bye bye, bath. · Come here! · Come and eat!

KHOẢNH KHẮC GỢI Ý (CHỌN NHỮNG LÚC NẪM TRONG GIỜ TIẾNG ANH)



Cuối bữa ăn



Ra khỏi chậu tắm



Cất đồ chơi trước khi chuyển hoạt động

DẤU HIỆU ĐẠT CUỐI TUẦN

Con báo "all done" (lời hoặc cử chỉ) khi ăn xong hay chán chơi, thay cho khóc hoặc ném đồ.

BÃY GIAO TIẾP (NGÀY 3-5)

- ☐ Khi con đẩy bát ra hoặc lắc đầu, dừng lại, nói mẫu "All done?" kèm cử chỉ, chờ con bắt chước rồi mới dọn
- ☐ Gọi "Come!" và dang tay, xa dần từ 1 bước đến cả căn phòng

TRÒ CHƠI ĐA GIÁC QUAN VÀ BÀI HÁT

- Trò "Come to Mommy": con chạy tới thì được ôm, được tung lên
- Hộp "All done": cất từng món vào hộp, mỗi món nói một lần
- Bài hát "Clean Up!" (Super Simple Songs)

HÔM NAY CHA MẸ ĐÃ NÓI MẪU ĐỦ CHƯA?

T2

☐

T3

☐

T4

☐

T5

☐

T6

☐

T7

☐

CN

☐

Ghi chú: con đã nói gì, ở đâu, với ai? Khoảnh khắc đáng nhớ...

CON ĐẠT ĐẾN ĐÂU? (TICK NGÀY 7)

all done

☐ Hiểu

☐ Nói khi nhắc

☐ Tự nói

come

☐ Hiểu

☐ Nói khi nhắc

☐ Tự nói

Dừng – Đi

Cặp đối lập dễ biến thành trò vận động. "Stop" cho con quyền nói không với cù hay chạm. Cả hai từ gắn với an toàn khi ra đường.

stop
dừng.....

M1 · nói

go
đi.....

M1 · nói

✚ Từ tặng kèm (không bắt buộc): "wait"

CHA MẸ NÓI MẪU

Ready, set... go! · Stop! · Let's go! · Red light. Stop!

KHOẢNH KHẮC GỢI Ý (CHỌN NHỮNG LÚC NẪM TRONG GIỜ TIẾNG ANH)

-  Đẩy xe đồ chơi
-  Đèn giao thông khi đi xe máy
-  Cù, đuổi bắt: con nói "stop" thì dừng ngay

DẤU HIỆU ĐẠT CUỐI TUẦN

Con nói "Go!" sau "Ready, set..." và dùng "Stop!" để dừng trò chơi.

BÃY GIAO TIẾP (NGÀY 3–5)

- ☐ Nói "Ready, set..." rồi chờ con nói "Go!"
- ☐ Khi cù, dừng ngay lập tức khi con nói hoặc ra hiệu "stop". Con học được rằng từ này có sức mạnh.

TRÒ CHƠI ĐA GIÁC QUAN VÀ BÀI HÁT

- Nhảy theo nhạc, nhạc tắt thì đứng im (freeze dance)
- Đèn giao thông bằng giấy đỏ và xanh
- Trò "Red light, green light"

HÔM NAY CHA MẸ ĐÃ NÓI MẪU ĐỦ CHƯA?

T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN
☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐

Ghi chú: con đã nói gì, ở đâu, với ai? Khoảnh khắc đáng nhớ...

CON ĐẠT ĐẾN ĐÂU? (TICK NGÀY 7)

stop

☐ Hiểu

☐ Nói khi nhắc

☐ Tự nói

go

☐ Hiểu

☐ Nói khi nhắc

☐ Tự nói

Lên – Xuống

Gắn với cơ thể và vận động toàn thân. Nhiều trẻ sẽ tự nói "up" để đòi bế, trở thành từ con nói ra đầu tiên.

up
lên.....

M0 · hiểu → nói

down
xuống.....

M0 · hiểu

✚ Từ tặng kèm (không bắt buộc): "sit"

CHA MẸ NÓI MẪU

Up you go! · Arms up! · Sit down. · Down the slide!

KHOẢNH KHẮC GỢI Ý (CHỌN NHỮNG LÚC NÀM TRONG GIỜ TIẾNG ANH)



Bế lên, đặt xuống



"Arms up!" khi cởi áo



Lên xuống cầu thang, đếm từng bậc

BÃY GIAO TIẾP (NGÀY 3–5)

- ☐ Đứng trước con, dang tay nhưng chờ con nói hoặc giơ tay "up" rồi mới bế
- ☐ Để đồ chơi lên kệ cao, trong tầm nhìn của con

TRÒ CHƠI ĐA GIÁC QUAN VÀ BÀI HÁT

- Tung bóng hay bóng bay lên, rơi xuống
- Cho xe trượt xuống dốc
- Hát "The Grand Old Duke of York", đứng lên ngồi xuống theo lời

DẤU HIỆU ĐẠT CUỐI TUẦN

Con làm đúng khi nghe "up" hoặc "down", và tự nói "up" để đòi bế hoặc lấy đồ.

HÔM NAY CHA MẸ ĐÃ NÓI MẪU ĐỦ CHƯA?

T2

☐

T3

☐

T4

☐

T5

☐

T6

☐

T7

☐

CN

☐

Ghi chú: con đã nói gì, ở đâu, với ai? Khoảnh khắc đáng nhớ...

CON ĐẠT ĐẾN ĐÂU? (TICK NGÀY 7)

up

☐ Hiểu

☐ Nói khi nhắc

☐ Tự nói

down

☐ Hiểu

☐ Nói khi nhắc

☐ Tự nói

TUẦN

5

Giúp con với

"Help" thay cho mè nheo, câu gắt khi con gặp khó. "Give" tập cho con trao đổi qua lại.

help

giúp.....

M1 · nói

give

đưa.....

M0 · hiểu

✚ Từ tặng kèm (không bắt buộc): "put"

CHA MẸ NÓI MẪU

Need help? · Help me, please. · Give me the cup,
please. · Give it to Daddy.

KHOẢNH KHẮC GỢI Ý (CHỌN NHỮNG LÚC NẪM TRONG GIỜ TIẾNG ANH)



Cài nút, đi giày



Mở hộp sữa, gói bánh



Đưa đồ cho nhau khi dọn dẹp

BẦY GIAO TIẾP (NGÀY 3-5)

- ☐ Đưa hộp bánh vụn chặt nắp, hoặc lọ trong suốt đựng đồ con thích
- ☐ Đặt giày ngược chiều, chờ con cần giúp

TRÒ CHƠI ĐA GIÁC QUAN VÀ BÀI HÁT

- Trò bán hàng: con đưa đồ, cha mẹ đáp "Thank you!"
- Chuyển bóng qua lại: "Give me the ball!"

DẤU HIỆU ĐẠT CUỐI TUẦN

Con dùng "help" khi gặp khó thay vì khóc,
và đưa đúng đồ khi nghe "Give me ___".

HÔM NAY CHA MẸ ĐÃ NÓI MẪU ĐỦ CHƯA?

T2

☐

T3

☐

T4

☐

T5

☐

T6

☐

T7

☐

CN

☐

Ghi chú: con đã nói gì, ở đâu, với ai? Khoảnh khắc đáng nhớ...

CON ĐẠT ĐẾN ĐÂU? (TICK NGÀY 7)

help

☐ Hiểu☐ Nói khi nhắc☐ Tự nói

give

☐ Hiểu☐ Nói khi nhắc☐ Tự nói

Con muốn...

Lần đầu ghép từ cốt lõi với từ riêng của nhà mình: want + [milk]. Bắt đầu dùng trang "Our Family Words" của bảng từ vựng.

want

muốn.....

M1 · nói

this

cái này...

M0 · hiểu

✚ Từ tặng kèm (không bắt buộc): "that"

CHA MẸ NÓI MẪU

Do you want this? · This or this? · You want milk!

KHOẢNH KHẮC GỢI Ý (CHỌN NHỮNG LÚC NÀM TRONG GIỜ TIẾNG ANH)



Chọn món ăn, đồ uống



Chọn áo



Chọn đồ chơi

BÃY GIAO TIẾP (NGÀY 3-5)

- ☐ Mỗi tay cầm một món: "This or this?"
- ☐ Để đồ yêu thích trong hộp trong suốt, con thấy nhưng không lấy được

TRÒ CHƠI ĐA GIÁC QUAN VÀ BÀI HÁT

- Túi bí mật: con thò tay sờ, đoán rồi lấy ra
- Điền 5 ô đầu tiên của trang "Our Family Words" bằng ảnh thật trong nhà

DẤU HIỆU ĐẠT CUỐI TUẦN

Con nói "want" kèm một từ (want milk), hoặc chỉ ô want rồi chỉ ảnh trên bảng.

HÔM NAY CHA MẸ ĐÃ NÓI MẪU ĐỦ CHƯA?

T2

☐

T3

☐

T4

☐

T5

☐

T6

☐

T7

☐

CN

☐

Ghi chú: con đã nói gì, ở đâu, với ai? Khoảnh khắc đáng nhớ...

CON ĐẠT ĐẾN ĐÂU? (TICK NGÀY 7)

want

☐ Hiểu☐ Nói khi nhắc☐ Tự nói

this

☐ Hiểu☐ Nói khi nhắc☐ Tự nói

Có – Không

Con trả lời được câu hỏi đơn giản và bày tỏ ý kiến. Khi con nói "no", hãy tôn trọng nếu an toàn, để con thấy lời nói của mình có giá trị.

yes

có, vâng

M1 · nói

no

không

M1 · nói

✚ Từ tặng kèm (không bắt buộc): "please"

CHA MẸ NÓI MẪU

Milk? Yes or no? · Yes, please! · No, thank you.

KHOẢNH KHẮC GỢI Ý (CHỌN NHỮNG LÚC NẪM TRONG GIỜ TIẾNG ANH)



Mời đồ ăn



Hỏi con chọn áo



"Go to the park?"

DẤU HIỆU ĐẠT CUỐI TUẦN

Con trả lời yes hoặc no đúng với ý muốn của mình khi được hỏi câu có hoặc không.

BÃY GIAO TIẾP (NGÀY 3–5)

- ☐ Cố tình đưa nhầm: đưa thìa khi con cần cốc, "Spoon?" rồi chờ "No!"
- ☐ Hỏi đùa: đặt mũ lên chân, "Hat on your foot?"

TRÒ CHƠI ĐA GIÁC QUAN VÀ BÀI HÁT

- Trò đúng sai: cầm con chó đồ chơi, hỏi "Is it a cat?"
- Gật đầu, lắc đầu theo nhạc
- Bài hát "Do You Like Broccoli Ice Cream?" (Super Simple Songs)

HÔM NAY CHA MẸ ĐÃ NÓI MẪU ĐỦ CHƯA?

T2

☐

T3

☐

T4

☐

T5

☐

T6

☐

T7

☐

CN

☐

Ghi chú: con đã nói gì, ở đâu, với ai? Khoảnh khắc đáng nhớ...

CON ĐẠT ĐẾN ĐÂU? (TICK NGÀY 7)

yes

☐ Hiểu☐ Nói khi nhắc☐ Tự nói

no

☐ Hiểu☐ Nói khi nhắc☐ Tự nói

Mở ra – Bỏ vào

Con làm những việc này hằng ngày với cửa, hộp, túi, nên có rất nhiều cơ hội tự nhiên để dùng từ.

open

mở

M1 · nói

in

vào, trong

M0 · hiểu

✚ Từ tặng kèm (không bắt buộc): “out”

CHA MẸ NÓI MẪU

Open it? · Open the door. · Put it in. · In the box!

KHOẢNH KHẮC GỢI Ý (CHỌN NHỮNG LÚC NẪM TRONG GIỜ TIẾNG ANH)

Mở cửa khi ra ngoài



Mở hộp, túi đồ ăn



Bỏ đồ chơi vào hộp

DẤU HIỆU ĐẠT CUỐI TUẦN

Con nói "open" để nhờ mở đồ, và bỏ đồ vào đúng chỗ khi nghe "in".

BÃY GIAO TIẾP (NGÀY 3-5)

- ☐ Để đồ chơi trong hộp có nắp hoặc túi zip mà con không tự mở được
- ☐ Đưa cho con một lọ đang đóng nắp

TRÒ CHƠI ĐA GIÁC QUAN VÀ BÀI HÁT

- Hộp bất ngờ: bọc đồ chơi trong giấy báo, "Open! Wow!"
- Thả bóng vào xô, từng quả một
- Bài hát "Open Shut Them"

HÔM NAY CHA MẸ ĐÃ NÓI MẪU ĐỦ CHƯA?

T2

☐

T3

☐

T4

☐

T5

☐

T6

☐

T7

☐

CN

☐

Ghi chú: con đã nói gì, ở đâu, với ai? Khoảnh khắc đáng nhớ...

CON ĐẠT ĐẾN ĐÂU? (TICK NGÀY 7)

open

☐ Hiểu☐ Nói khi nhắc☐ Tự nói

in

☐ Hiểu☐ Nói khi nhắc☐ Tự nói

Bật – Tắt, Mặc – Cởi

Hai từ nhỏ nhưng dùng cả với quần áo lẫn công tắc. Con thấy kết quả ngay: đèn sáng hoặc tối, giày vào hoặc ra.

on

bật, mặc vào

M0 · hiểu → nói

off

tắt, cởi ra

M0 · hiểu → nói

✚ Từ tặng kèm (không bắt buộc): “turn”

CHA MẸ NÓI MẪU

Shoes on! · Shoes off. · Light on! Light off. · Turn off the TV.

BÃY GIAO TIẾP (NGÀY 3–5)

- ☐ Cho con bấm công tắc đèn, nhưng chờ con nói "on" hoặc "off" trước
- ☐ Đội mũ lên đầu con rồi chờ con nói "off!"

KHOẢNH KHẮC GỢI Ý (CHỌN NHỮNG LÚC NẪM TRONG GIỜ TIẾNG ANH)



Mặc, cởi quần áo và giày



Bật tắt đèn trước khi ngủ



Về nhà cởi giày

TRÒ CHƠI ĐA GIÁC QUAN VÀ BÀI HÁT

- Chơi đèn pin trong phòng tối: on, off
- Mặc đồ cho búp bê hoặc gấu bông
- Bài hát "Put On Your Shoes" (Super Simple Songs)

DẤU HIỆU ĐẠT CUỐI TUẦN

Con làm đúng on và off với quần áo và công tắc, và nói được ít nhất một trong hai từ.

HÔM NAY CHA MẸ ĐÃ NÓI MẪU ĐỦ CHƯA?

T2

☐

T3

☐

T4

☐

T5

☐

T6

☐

T7

☐

CN

☐

Ghi chú: con đã nói gì, ở đâu, với ai? Khoảnh khắc đáng nhớ...

CON ĐẠT ĐẾN ĐÂU? (TICK NGÀY 7)

on

☐ Hiểu☐ Nói khi nhắc☐ Tự nói

off

☐ Hiểu☐ Nói khi nhắc☐ Tự nói

Ăn – Uống

Hai nhu cầu cơ bản xuất hiện nhiều lần mỗi ngày. Đây là lúc bổ sung tên các món ăn quen của nhà mình vào trang từ riêng.

eat

ăn

M1 · nói

drink

uống

M1 · nói

✚ Từ tặng kèm (không bắt buộc): “hot”

CHA MẸ NÓI MẪU

Let's eat! · Eat your rice. · Drink some water. · Teddy wants to drink!

BÃY GIAO TIẾP (NGÀY 3–5)

- ☐ Bày bàn ăn nhưng "quên" cốc của con
- ☐ Gấu bông "đói": "Teddy is hungry. Eat?"

KHOẢNH KHẮC GỢI Ý (CHỌN NHỮNG LÚC NẪM TRONG GIỜ TIẾNG ANH)



Các bữa ăn trong ngày



Chơi đồ hàng, cho gấu ăn uống



Uống nước sau khi chơi

TRÒ CHƠI ĐA GIÁC QUAN VÀ BÀI HÁT

- Đồ hàng nấu ăn
- Nếm thử vị ngọt, chua, mặn
- Thêm 3–5 món của nhà mình vào trang "Our Family Words"

DẤU HIỆU ĐẠT CUỐI TUẦN

Con nói eat hoặc drink (kèm tên món nếu được) khi đói hoặc khát.

HÔM NAY CHA MẸ ĐÃ NÓI MẪU ĐỦ CHƯA?

T2

☐

T3

☐

T4

☐

T5

☐

T6

☐

T7

☐

CN

☐

Ghi chú: con đã nói gì, ở đâu, với ai? Khoảnh khắc đáng nhớ...

CON ĐẠT ĐẾN ĐÂU? (TICK NGÀY 7)

eat

☐ Hiểu

☐ Nói khi nhắc

☐ Tự nói

drink

☐ Hiểu

☐ Nói khi nhắc

☐ Tự nói

Lời hay ý đẹp

Gắn với nếp lễ phép của gia đình Việt (khoanh tay, dạ vâng) và ghép được vào mọi yêu cầu đã học. Cả nhà nói với nhau, không chỉ yêu cầu con nói.

please

làm ơn, xin

M1 · nói

thank you

cảm ơn

M1 · nói

✚ Từ tặng kèm (không bắt buộc): "good"

CHA MẸ NÓI MẪU

More, please. · Thank you, Grandma! · Water, please.
· Thank you, Daddy!

KHOẢNH KHẮC GỢI Ý (CHỌN NHỮNG LÚC NẪM TRONG GIỜ TIẾNG ANH)

-  Xin và nhận đồ ăn
-  Nhận đồ từ ông bà
-  Cảm ơn cô bán hàng

DẤU HIỆU ĐẠT CUỐI TUẦN

Con thêm "please" vào ít nhất một yêu cầu mỗi ngày và nói "thank you" khi nhận đồ (có thể cần nhắc).

BÃY GIAO TIẾP (NGÀY 3-5)

- ☐ Khi con xin "more", chờ một nhịp rồi nói mẫu "More, please". Vẫn đưa đồ cho con nếu con chưa nói please.
- ☐ Ba mẹ nói please và thank you với nhau trước mặt con

TRÒ CHƠI ĐA GIÁC QUAN VÀ BÀI HÁT

- Trò mua bán ở cửa hàng
- Gọi điện thoại đồ chơi: "Hi, Grandma! ... Bye bye!"
- Bài hát "Hello Song" và "Bye Bye Goodbye"

HÔM NAY CHA MẸ ĐÃ NÓI MẪU ĐỦ CHƯA?

T2

☐

T3

☐

T4

☐

T5

☐

T6

☐

T7

☐

CN

☐

Ghi chú: con đã nói gì, ở đâu, với ai? Khoảnh khắc đáng nhớ...

CON ĐẠT ĐẾN ĐÂU? (TICK NGÀY 7)

please

☐ Hiểu

☐ Nói khi nhắc

☐ Tự nói

thank you

☐ Hiểu

☐ Nói khi nhắc

☐ Tự nói

Câu đầu tiên

Bước sang khung câu có chỗ trống. Tuần này cũng là tuần tổng ôn cả 22 từ trước đó.

I

con, tôi (I want ____)

M2 · nói

where

ở đâu.....

M2 · hiểu → hỏi

✚ Từ tặng kèm (không bắt buộc): "here"

CHA MẸ NÓI MẪU

I want water. · You want milk? I want milk! · Where is Daddy? · Where's the ball? Here it is!

KHOẢNG KHẮC GỢI Ý (CHỌN NHỮNG LÚC NẪM TRONG GIỜ TIẾNG ANH)



Trốn tìm, ú ớ: "Where is ____?"



Xin đồ ăn: "I want ____"



Tìm giày: "Where are your shoes?"

DẤU HIỆU ĐẠT CUỐI TUẦN

Con nói được ít nhất một câu 2–3 từ dạng "I want ____", và tìm đúng đồ khi nghe "Where is ____?".

BÃY GIAO TIẾP (NGÀY 3–5)

- ☐ Giấu đồ chơi quen thuộc dưới gối, để lộ một góc nhỏ
- ☐ Mở rộng câu của con: con nói "milk", cha mẹ đáp "I want milk!"

TRÒ CHƠI ĐA GIÁC QUAN VÀ BÀI HÁT

- Trốn tìm đồ vật
- Bài hát "Where Is Thumbkin?"
- Tổng ôn: chơi chỉ bảng tủ lạnh, cha mẹ nói từ, con chạy tới chỉ đúng ô

HÔM NAY CHA MẸ ĐÃ NÓI MẪU ĐỦ CHƯA?

T2

☐

T3

☐

T4

☐

T5

☐

T6

☐

T7

☐

CN

☐

Ghi chú: con đã nói gì, ở đâu, với ai? Khoảng khắc đáng nhớ...

CON ĐẠT ĐẾN ĐÂU? (TICK NGÀY 7)

I

☐ Hiểu☐ Nói khi nhắc☐ Tự nói

where

☐ Hiểu☐ Nói khi nhắc☐ Tự nói

Ngồi – Chờ

Hai câu lệnh giúp con tự điều chỉnh cơ thể: ngồi yên khi ăn, chờ đến lượt, chờ khi qua đường. Tuần này con cũng tập dùng chính các từ này để "ra lệnh" cho người khác.

sit

ngồi...

M0 · hiểu → nói

wait

chờ.....

M0 · hiểu → nói

🔄 Ôn lại từ đã học: "stop" · "go"

CHA MẸ NÓI MẪU

Sit down, please. · Sit next to me. · Wait, please. ·
Wait for Daddy.

KHOẢNH KHẮC GỢI Ý (CHỌN NHỮNG LÚC NẪM TRONG GIỜ TIẾNG ANH)



Ngồi vào bàn trước khi ăn



Chờ ở lề đường, chờ đèn xanh



Chờ đến lượt khi chơi cùng anh chị

BÃY GIAO TIẾP (NGÀY 3-5)

- ☐ Đưa đồ ăn con thích, nói "Wait..." rồi đếm 1-2-3 mới đưa. Tăng dần thời gian chờ.
- ☐ Cho con làm "cô giáo", ra lệnh cho gấu bông: "Sit!", "Wait!"

TRÒ CHƠI ĐA GIÁC QUAN VÀ BÀI HÁT

- Trò ghế âm nhạc: nhạc tắt thì ngồi xuống
- Trò "Simon says" đơn giản: sit, stand up, wait
- Chờ bánh chín, chờ nước sôi bằng đồng hồ cát

DẤU HIỆU ĐẠT CUỐI TUẦN

Con làm theo "sit" và "wait" mà không cần kéo tay, và tự nói ít nhất một trong hai từ với búp bê hoặc anh chị em.

HÔM NAY CHA MẸ ĐÃ NÓI MẪU ĐỦ CHƯA?

T2

☐

T3

☐

T4

☐

T5

☐

T6

☐

T7

☐

CN

☐

Ghi chú: con đã nói gì, ở đâu, với ai? Khoảnh khắc đáng nhớ...

CON ĐẠT ĐẾN ĐÂU? (TICK NGÀY 7)

sit

☐ Hiểu

☐ Nói khi nhắc

☐ Tự nói

wait

☐ Hiểu

☐ Nói khi nhắc

☐ Tự nói

Đặt ở đây – Ra ngoài

Ba từ về vị trí và thao tác với đồ vật. "Out" ghép với "in" đã học thành cặp đối lập, và các từ ghép được với nhau: "Put it here", "Take it out".

put

đặt, để

M0 · hiểu → nói

here

đây

M0 · hiểu → nói

out

ra, ngoài

M0 · hiểu → nói

 Ôn lại từ đã học: "in" · "open"

CHA MẸ NÓI MẪU

Put it here. · Put it in the box. · Here you are. · Let's go out! · Take it out.

KHOẢNH KHẮC GỢI Ý (CHỌN NHỮNG LÚC NẪM TRONG GIỜ TIẾNG ANH)



Dọn đồ chơi, mỗi món về đúng chỗ



Ra khỏi chậu tắm: "Out!"



Đi chơi: "Let's go out!"

DẤU HIỆU ĐẠT CUỐI TUẦN

Con làm đúng khi nghe "Put it ____", và tự nói "out" hoặc "here" trong lúc chơi.

BÃY GIAO TIẾP (NGÀY 3-5)

- ☐ Bỏ đồ chơi vào hộp, đẩy nắp lại, chờ con nói "out"
- ☐ Cha mẹ cố tình đặt đồ sai chỗ (giày lên bàn ăn), chờ con phản ứng rồi hỏi "Put it here?"

TRÒ CHƠI ĐA GIÁC QUAN VÀ BÀI HÁT

- Chuyển đồ: lấy từng quả bóng out khỏi xô, put vào rổ khác
- Giấu đồ chơi trong khay gạo hoặc cát, sờ tìm và kéo out
- Hát lại "Clean Up!"

HÔM NAY CHA MẸ ĐÃ NÓI MẪU ĐỦ CHƯA?

T2

☐

T3

☐

T4

☐

T5

☐

T6

☐

T7

☐

CN

☐

Ghi chú: con đã nói gì, ở đâu, với ai? Khoảnh khắc đáng nhớ...

CON ĐẠT ĐẾN ĐÂU? (TICK NGÀY 7)

put

☐ Hiểu☐ Nói khi nhắc☐ Tự nói

here

☐ Hiểu

☐ Nói khi nhắc

☐ Tự nói

out

☐ Hiểu

☐ Nói khi nhắc

☐ Tự nói

To – Nhỏ – Nóng

Những từ miêu tả đầu tiên. Con bắt đầu ghép 2 từ: "big bus", "little bird", "hot rice". Học qua cảm nhận thật: sờ, nhìn, so sánh.

big

to, lớn

M1 · nói

little

nhỏ

M1 · nói

hot

nóng

M1 · nói

 Ôn lại từ đã học: "look" · "more"

CHA MẸ NÓI MẪU

Look! A big bus! · A little bird. · It's hot! Blow, blow. · Big or little?

KHOẢNH KHẮC GỢI Ý (CHỌN NHỮNG LÚC NẪM TRONG GIỜ TIẾNG ANH)



Cơm, canh nóng: thổi phù phù



Ngoài đường: xe to, xe nhỏ, chó to, mèo nhỏ



Xếp tháp to, tháp nhỏ

BÃY GIAO TIẾP (NGÀY 3–5)

- ☐ Đưa hai cái bát, một to một nhỏ: "Big or little?"
- ☐ Cho con chạm cốc nước ấm (nhiệt độ an toàn) và cốc nước đá, chờ con nói

TRÒ CHƠI ĐA GIÁC QUAN VÀ BÀI HÁT

- Phân loại đồ chơi to và nhỏ vào hai rổ
- Gia đình gấu: gấu bố big, gấu con little
- Chơi với nước ấm và nước mát (nhiệt độ an toàn)

DẤU HIỆU ĐẠT CUỐI TUẦN

Con tự nói ít nhất một cụm 2 từ có big, little hoặc hot (ví dụ: big car, hot milk).

HÔM NAY CHA MẸ ĐÃ NÓI MẪU ĐỦ CHƯA?

T2

☐

T3

☐

T4

☐

T5

☐

T6

☐

T7

☐

CN

☐

Ghi chú: con đã nói gì, ở đâu, với ai? Khoảnh khắc đáng nhớ...

CON ĐẠT ĐẾN ĐÂU? (TICK NGÀY 7)

big

☐ Hiểu☐ Nói khi nhắc☐ Tự nói

little

☐ Hiểu

☐ Nói khi nhắc

☐ Tự nói

hot

☐ Hiểu

☐ Nói khi nhắc

☐ Tự nói

Lần nữa – Tạm biệt

"Again" để xin làm lại điều vui, khác với "more" là xin thêm đồ. "Bye" gắn với các lúc chuyển hoạt động trong ngày (ba mẹ đi làm, hết giờ chơi, đi ngủ), giúp con dễ chấp nhận việc kết thúc hơn.

again

lần nữa

M1 · nói

bye

tạm biệt

M1 · nói

 Ôn lại từ đã học: "all done" · "more"

CHA MẸ NÓI MẪU

Again? · Let's do it again! · Bye bye, Daddy! · Say bye
bye to the park.

KHOẢNH KHẮC GỢI Ý (CHỌN NHỮNG LÚC NẪM TRONG GIỜ TIẾNG ANH)



Đọc lại truyện yêu thích



Tiễn ba mẹ, ông bà

Chào đồ vật trước khi ngủ: "Bye bye, toys!
Night night!"

BÃY GIAO TIẾP (NGÀY 3-5)

- ☐ Tung con lên một lần rồi dừng, chờ con nói "Again!"
- ☐ Kể chuyện đến đoạn con thích thì dừng lại, chờ con xin kể lại

TRÒ CHƠI ĐA GIÁC QUAN VÀ BÀI HÁT

- Lăn bóng xuống dốc, lặp lại nhiều lần
- Chơi ú òa: "Peekaboo! Again?"
- Bài hát "Bye Bye Goodbye" (Super Simple Songs)

DẤU HIỆU ĐẠT CUỐI TUẦN

Con nói "again" để xin lặp lại trò chơi, và
chủ động nói "bye" khi có người đi hoặc hết
hoạt động.

HÔM NAY CHA MẸ ĐÃ NÓI MẪU ĐỦ CHƯA?

T2

☐

T3

☐

T4

☐

T5

☐

T6

☐

T7

☐

CN

☐

Ghi chú: con đã nói gì, ở đâu, với ai? Khoảnh khắc đáng nhớ...

CON ĐẠT ĐẾN ĐÂU? (TICK NGÀY 7)

again

☐ Hiểu☐ Nói khi nhắc☐ Tự nói

bye

☐ Hiểu☐ Nói khi nhắc☐ Tự nói

Của con! – Cái kia

Con bắt đầu có ý thức sở hữu. Thay vì giăng co, con có từ để nói "Mine!", và cha mẹ có cơ hội dạy chia sẻ. "That" giúp con chỉ và chọn đồ ở xa.

mine

của con

M1 · nói

that

cái kia

M1 · nói

🔄 Ôn lại từ đã học: "want" · "this"

CHA MẸ NÓI MẪU

Is it mine or yours? · That's mine! · That one? · What's that?

KHOẢNH KHẮC GỢI Ý (CHỌN NHỮNG LÚC NẪM TRONG GIỜ TIẾNG ANH)



Chơi với anh chị em, với bạn



Nhận ra đồ của mình: giày, cốc, bàn chải



Đi chợ, chọn quả: "That one!"

BÃY GIAO TIẾP (NGÀY 3-5)

- ☐ Cha mẹ "nhận nhầm" cốc của con: "My cup?", chờ con nói "Mine!"
- ☐ Để đồ con thích ở xa nhưng trong tầm nhìn, chờ con chỉ và nói "That!"

TRÒ CHƠI ĐA GIÁC QUAN VÀ BÀI HÁT

- Chia đồ theo chủ: "Daddy's shoes, Mommy's shoes... mine!"
- Chỉ tranh trong sách: "That!"
- Tập chia sẻ: "Mine. Now yours." rồi đổi đồ chơi

DẤU HIỆU ĐẠT CUỐI TUẦN

Con dùng "mine" thay cho giật đồ, và dùng "that (one)" để chọn đồ.

HÔM NAY CHA MẸ ĐÃ NÓI MẪU ĐỦ CHƯA?

T2

☐

T3

☐

T4

☐

T5

☐

T6

☐

T7

☐

CN

☐

Ghi chú: con đã nói gì, ở đâu, với ai? Khoảnh khắc đáng nhớ...

CON ĐẠT ĐẾN ĐÂU? (TICK NGÀY 7)

mine

☐ Hiểu

☐ Nói khi nhắc

☐ Tự nói

that

☐ Hiểu

☐ Nói khi nhắc

☐ Tự nói

Lượt của con

"My turn" là khung câu đầu tiên có "my", mở đường cho "my shoes", "my Daddy". Chơi đổi lượt là nền của hội thoại: nói, chờ, nghe, rồi nói tiếp.

turn

lượt

M0 · hiểu → nói

my

của con

M2 · nói

 Ôn lại từ đã học: "give" · "please"

CHA MẸ NÓI MẪU

My turn! · Your turn. · Whose turn? · My shoes. My cup.

KHOẢNH KHẮC GỢI Ý (CHỌN NHỮNG LÚC NÀM TRONG GIỜ TIẾNG ANH)



Mọi trò chơi đổi lượt: xếp tháp, lăn bóng



Đồ của con: "My shoes!"



Người trong nhà: "My Daddy, my Grandma"

BÃY GIAO TIẾP (NGÀY 3-5)

- ☐ Cầm đồ chơi, nói "My turn" và giữ hơi lâu, chờ con đòi
- ☐ Hết lượt của con, cha mẹ chìa tay ra và im lặng chờ con nói "Your turn"

TRÒ CHƠI ĐA GIÁC QUAN VÀ BÀI HÁT

- Lăn bóng qua lại, mỗi lượt nói "My turn / Your turn"
- Xếp tháp chung, mỗi người đặt một khối
- Trẻ lớn: cá ngựa, đồ vui đơn giản

DẤU HIỆU ĐẠT CUỐI TUẦN

Con nói "my turn" khi chơi, và dùng "my + [đồ vật hoặc người]" ít nhất một lần mỗi ngày.

HÔM NAY CHA MẸ ĐÃ NÓI MẪU ĐỦ CHƯA?

T2

☐

T3

☐

T4

☐

T5

☐

T6

☐

T7

☐

CN

☐

Ghi chú: con đã nói gì, ở đâu, với ai? Khoảnh khắc đáng nhớ...

CON ĐẠT ĐẾN ĐÂU? (TICK NGÀY 7)

turn

☐ Hiểu☐ Nói khi nhắc☐ Tự nói

my

☐ Hiểu☐ Nói khi nhắc☐ Tự nói

Thích – Không thích

Từ "yes, no" nâng lên thành câu ý kiến: "I like ____ / I don't like ____". Con học nói cảm nhận thay vì đây đồ ra hay không.

like

thích

M2 · nói

don't

không (thích, muốn)

M2 · nói

🔄 Ôn lại từ đã học: "yes" · "no"

CHA MẸ NÓI MẪU

Do you like it? · I like mango! · I don't like it. · Don't touch! It's hot.

KHOẢNH KHẮC GỢI Ý (CHỌN NHỮNG LÚC NẪM TRONG GIỜ TIẾNG ANH)



Nếm thử món mới



Chọn đồ chơi, chọn bài hát



Ở công viên: thích trò nào?

BÃY GIAO TIẾP (NGÀY 3-5)

- ☐ Cho con nếm hai món, hỏi "Do you like it?" và nói mẫu cả hai câu
- ☐ Cha mẹ nói sai ý thích của con: "You like broccoli!", chờ con phản đối

TRÒ CHƠI ĐA GIÁC QUAN VÀ BÀI HÁT

- Hát lại "Do You Like Broccoli Ice Cream?"
- Làm bảng "Con thích / Con không thích", dán ảnh món ăn và đồ chơi
- Bịt mắt nếm: đoán món, nói thích hay không

DẤU HIỆU ĐẠT CUỐI TUẦN

Con nói được "I like ____" và "I don't like ____" với ít nhất 3 thứ khác nhau.

HÔM NAY CHA MẸ ĐÃ NÓI MẪU ĐỦ CHƯA?

T2

☐

T3

☐

T4

☐

T5

☐

T6

☐

T7

☐

CN

☐

Ghi chú: con đã nói gì, ở đâu, với ai? Khoảnh khắc đáng nhớ...

CON ĐẠT ĐẾN ĐÂU? (TICK NGÀY 7)

like

☐ Hiểu

☐ Nói khi nhắc

☐ Tự nói

don't

☐ Hiểu

☐ Nói khi nhắc

☐ Tự nói

Giỏi lắm!

"You" giúp con nói về người khác, không chỉ về mình. "Good" là lời khen con được nghe mỗi ngày, giờ con tập khen lại người khác.

you

bạn, mẹ, ba

M2 · nói

good

tốt, giỏi, ngon

M2 · nói

🔄 Ôn lại từ đã học: "thank you" · "help"

CHA MẸ NÓI MẪU

Good job! · You did it! · It's good! Yummy! · You go first. · I love you.

KHOẢNH KHẮC GỢI Ý (CHỌN NHỮNG LÚC NẪM TRONG GIỜ TIẾNG ANH)



Khen khi con làm xong một việc



Khen món ăn: "It's good!"



Trước khi ngủ: "I love you. Good night."

BÃY GIAO TIẾP (NGÀY 3-5)

- ☐ Cha mẹ làm xong một việc nhỏ, nhìn con chờ được khen: "Mommy did it!"
- ☐ Hỏi "Who goes first?", chờ con chỉ và nói "You!"

TRÒ CHƠI ĐA GIÁC QUAN VÀ BÀI HÁT

- Vẽ tranh chung, khen nhau "Good job!"
- Đổi vai ra lệnh: con bảo cha mẹ làm, "You jump!"
- Ôm nhau và nói "I love you" mỗi tối

DẤU HIỆU ĐẠT CUỐI TUẦN

Con dùng "you" khi nói với người khác ("You go!", "You eat, Mommy!") và tự nói "good" hoặc "good job".

HÔM NAY CHA MẸ ĐÃ NÓI MẪU ĐỦ CHƯA?

T2

☐

T3

☐

T4

☐

T5

☐

T6

☐

T7

☐

CN

☐

Ghi chú: con đã nói gì, ở đâu, với ai? Khoảnh khắc đáng nhớ...

CON ĐẠT ĐẾN ĐÂU? (TICK NGÀY 7)

you

☐ Hiểu

☐ Nói khi nhắc

☐ Tự nói

good

☐ Hiểu

☐ Nói khi nhắc

☐ Tự nói

Con làm được!

"I can do it!" xây sự tự tin và tính tự lập. "Can I ___?" là câu xin phép lịch sự đầu tiên. "Get" dùng cho các việc hằng ngày: lấy giày, lấy nước.

can

có thể, được

M2 · nói

get

lấy

M2 · nói

🔄 Ôn lại từ đã học: "I" · "want"

CHA MẸ NÓI MẪU

You can do it! · I can do it! · Can I have water? · Can you get your shoes? · I'll get it!

KHOẢNH KHẮC GỢI Ý (CHỌN NHỮNG LÚC NẰM TRONG GIỜ TIẾNG ANH)



Tự mặc áo, đi giày



Xin phép: "Can I ___?"



Nhờ con đi lấy đồ: "Get the ball, please."

BÃY GIAO TIẾP (NGÀY 3-5)

- ☐ Để con tự làm việc vừa sức. Khi con làm được, nói mẫu "I can do it!"
- ☐ Khi con đang cầm bánh, hỏi "Can I have one?" rồi chờ con đáp

TRÒ CHƠI ĐA GIÁC QUAN VÀ BÀI HÁT

- Đi tìm đồ: "Can you get a red ball?"
- Bảng "I can": dán ảnh những việc con đã tự làm được
- Thử thách nhỏ (nhảy xa, xếp cao), làm xong hô "I can!"

DẤU HIỆU ĐẠT CUỐI TUẦN

Con nói "I can ___" hoặc "Can I ___?" ít nhất một lần mỗi ngày, và làm theo khi nghe "Get ___".

HÔM NAY CHA MẸ ĐÃ NÓI MẪU ĐỦ CHƯA?

T2

☐

T3

☐

T4

☐

T5

☐

T6

☐

T7

☐

CN

☐

Ghi chú: con đã nói gì, ở đâu, với ai? Khoảnh khắc đáng nhớ...

CON ĐẠT ĐẾN ĐÂU? (TICK NGÀY 7)

can

☐ Hiểu

☐ Nói khi nhắc

☐ Tự nói

get

☐ Hiểu

☐ Nói khi nhắc

☐ Tự nói

Cùng chơi, cùng làm

Hai động từ mở ra rất nhiều câu: "Let's play", "Play with me", "Let's make a tower". Con dùng tiếng Anh để rủ người khác cùng làm, bước đầu của trò chuyện.

play
chơi

M2 · nói

make
làm, tạo ra

M2 · nói

🔄 Ôn lại từ đã học: "open" · "big"

CHA MẸ NÓI MẪU

Let's play! · Play with me, please. · Let's make a tower. · Look, I made a cat!

KHOẢNH KHẮC GỢI Ý (CHỌN NHỮNG LÚC NẪM TRONG GIỜ TIẾNG ANH)



Rủ nhau chơi



Nấu ăn cùng: "Let's make a sandwich."



Vẽ, nặn đất: "What did you make?"

BÃY GIAO TIẾP (NGÀY 3-5)

- ☐ Ngồi cạnh đồ chơi nhưng không chơi, chờ con rủ "Play with me!"
- ☐ Bày nguyên liệu làm bánh mì kẹp, hỏi "What can we make?"

TRÒ CHƠI ĐA GIÁC QUAN VÀ BÀI HÁT

- Nặn đất: make a ball, make a snake
- Làm bánh mì kẹp, xếp trái cây thành mặt cười
- Xếp hình theo mẫu: "Let's make a house!"

DẤU HIỆU ĐẠT CUỐI TUẦN

Con tự rủ "Let's play!" hoặc "Play with me", và kể được "I made ___" về thứ con làm ra.

HÔM NAY CHA MẸ ĐÃ NÓI MẪU ĐỦ CHƯA?

T2

☐

T3

☐

T4

☐

T5

☐

T6

☐

T7

☐

CN

☐

Ghi chú: con đã nói gì, ở đâu, với ai? Khoảnh khắc đáng nhớ...

CON ĐẠT ĐẾN ĐÂU? (TICK NGÀY 7)

play

☐ Hiểu

☐ Nói khi nhắc

☐ Tự nói

make

☐ Hiểu

☐ Nói khi nhắc

☐ Tự nói

Cái gì? Ai?

Con chuyển từ trả lời sang tự đặt câu hỏi. Cùng với "where" đã học, con có bộ ba câu hỏi để tìm hiểu thế giới xung quanh.

what

cái gì

M2 · nói

who

ai

M2 · nói

🔄 Ôn lại từ đã học: "where" · "here"

CHA MẸ NÓI MẪU

What's that? · What is it? · Who's that? · Who is it?

KHOẢNH KHẮC GỢI Ý (CHỌN NHỮNG LÚC NẪM TRONG GIỜ TIẾNG ANH)

- 📖 Đọc sách tranh: chỉ và hỏi
- 📞 Chuông cửa hoặc điện thoại reo: "Who is it?"
- 📷 Xem ảnh gia đình: "Who's that?"

DẤU HIỆU ĐẠT CUỐI TUẦN

Con tự hỏi "What's that?" hoặc "Who's that?" mà không cần cha mẹ nói mẫu trước.

BẦY GIAO TIẾP (NGÀY 3-5)

- ☐ Đưa con một túi kín có đồ bên trong, chờ con hỏi "What's that?"
- ☐ Gõ cửa phòng, chờ con hỏi "Who is it?"

TRÒ CHƠI ĐA GIÁC QUAN VÀ BÀI HÁT

- Hộp bí mật: sờ và đoán "What is it?"
- Xem album ảnh gia đình: con hỏi, cha mẹ trả lời, rồi đổi vai
- Đoán tiếng kêu con vật: "What's that? A dog!"

HÔM NAY CHA MẸ ĐÃ NÓI MẪU ĐỦ CHƯA?

T2

☐

T3

☐

T4

☐

T5

☐

T6

☐

T7

☐

CN

☐

Ghi chú: con đã nói gì, ở đâu, với ai? Khoảnh khắc đáng nhớ...

CON ĐẠT ĐẾN ĐÂU? (TICK NGÀY 7)

what

☐ Hiểu☐ Nói khi nhắc☐ Tự nói

who

☐ Hiểu☐ Nói khi nhắc☐ Tự nói

Con xin – Con thấy

"Can I have ___?" hoàn thiện cách xin đồ lịch sự. "I feel ___" cho con từ để nói cảm xúc: vui, buồn, mệt, sợ. Đây cũng là tuần tổng ôn cả 50 từ cốt lõi.

have

có; xin

M2 · nói

feel

cảm thấy

M2 · nói

🔄 Ôn lại từ đã học: "like" · "good"

CHA MẸ NÓI MẪU

Can I have more rice? · I have a red car. · How do you feel? · I feel happy! · I feel tired.

KHOẢNH KHẮC GỢI Ý (CHỌN NHỮNG LÚC NẪM TRONG GIỜ TIẾNG ANH)

-  Xin đồ ăn: "Can I have ___?"
-  Trước khi ngủ: kể cảm xúc trong ngày
-  Khi ốm, khi ngã: "I don't feel good."

DẤU HIỆU ĐẠT CUỐI TUẦN

Con nói "Can I have ___?" và "I feel ___".
Cuối chạng, dùng file 50 từ cốt lõi để tick lại cả 50 từ và chọn những từ cần ôn.

BÃY GIAO TIẾP (NGÀY 3–5)

- ☐ Khi con xin đồ bằng một từ, mở rộng thành "Can I have milk?" rồi chờ con nói lại
- ☐ Cha mẹ làm mặt buồn, hỏi con "How do I feel?"

TRÒ CHƠI ĐA GIÁC QUAN VÀ BÀI HÁT

- Thẻ cảm xúc: vẽ mặt vui, buồn, mệt, giận, cho con chọn thẻ trước khi ngủ
- Bài hát "If You're Happy and You Know It"
- Tổng ôn: cha mẹ nói một từ bất kỳ trong 50 từ, con chạy tới chỉ đúng ô trên bảng tủ lạnh

HÔM NAY CHA MẸ ĐÃ NÓI MẪU ĐỦ CHƯA?

T2

☐

T3

☐

T4

☐

T5

☐

T6

☐

T7

☐

CN

☐

Ghi chú: con đã nói gì, ở đâu, với ai? Khoảnh khắc đáng nhớ...

CON ĐẠT ĐẾN ĐÂU? (TICK NGÀY 7)

have

☐ Hiểu

☐ Nói khi nhắc

☐ Tự nói

feel

☐ Hiểu

☐ Nói khi nhắc

☐ Tự nói

Dấu tick và ghi chú chỉ lưu trên trình duyệt của máy này. Kỹ thuật "bắt giao tiếp" (communication temptations) và "nói mẫu kèm chỉ bảng" (aided language modeling) lấy từ thực hành can thiệp ngôn ngữ và AAC. Bài hát gợi ý là bài dân ca thiếu nhi tiếng Anh phổ biến hoặc của kênh Super Simple Songs; tìm theo tên trên YouTube.